

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2009 CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH KINH DOANH TOÀN CÔNG TY NĂM 2009	2
1. Đặc điểm tình hình	2
2. Các chỉ tiêu cơ bản	3
2.1 Toàn Công ty	3
2.2. Công ty VTC	4
2.2.1 Văn phòng công ty	4
2.2.2 Chi nhánh Hà Nội	6
2.3. Công ty con – Công ty liên kết.....	6
2.2.1. Công ty đầu tư và phát triển Công nghệ thông minh (<i>Trung tâm sản xuất thẻ thông minh</i>)	6
2.2.2. Công ty cổ phần công nghệ mạng Việt Thành Công- VTC Networks	7
2.2.3. Công ty cổ phần Công Nghệ Tích Hợp (ITE).....	8
PHỤ LỤC 1: SỐ LIỆU KINH DOANH CÔNG TY VTC.....	9
PHỤ LỤC 2. SỐ LIỆU KINH DOANH CÁC CÔNG TY CON/ CÔNG TY LIÊN KẾT.....	10

I. TÌNH HÌNH KINH DOANH TOÀN CÔNG TY NĂM 2009

1. Đặc điểm tình hình

Năm 2009 vẫn là năm khó khăn của kinh tế thế giới, kinh tế cả nước. VTC vấp phải sự cạnh tranh quyết liệt trên tất cả mảng hoạt động.

Tình hình kinh doanh Công ty VTC (văn phòng Công ty và Chi nhánh Hà Nội)

Trung tâm NIC hoạt động tốt hơn năm trước, mang lại gộp về cho Công ty vượt kế hoạch đề ra. Ngoài doanh thu cho thuê hạ tầng lắp đặt BTS còn có doanh thu hoạt động thương mại nhưng chưa nhiều.

Trung tâm kinh doanh và Dịch vụ kỹ thuật mảng dịch vụ tốt nhưng thương mại không đạt kế hoạch. Dòng tiền thu chậm.

Chi nhánh Hà Nội, đặt trọng tâm hoàn tất thủ tục, thanh quyết toán tất cả các công trình, hợp đồng cũ, thu hồi tiền để trả nợ dưới áp lực trả nợ các đối tác. Chi nhánh đã có một số hoạt động lắp đặt, thương mại. Nếu đưa kịp doanh thu, lợi nhuận vào trong năm thì kết quả có thể đã khả quan hơn.

Tình hình kinh doanh Công ty con- Công ty liên kết:

Trung Tâm Thẻ: trong quý 3 đã chuyển hoạt động sang Công ty TNHH Đầu tư và Phát Triển Công Nghệ Thông Minh (STID). Thiếu vốn lưu động trầm trọng và chịu cạnh tranh gay gắt. Mặc dù đã có hỗ trợ vốn tích cực của Công ty mẹ nhưng không hoàn thành kế hoạch năm.

VTC Network (VTCN) lỗ cả năm ít hơn so với kế hoạch. Trong quý 4, VTCN tăng vốn điều lệ từ 7 tỷ lên 20 tỷ đồng. Tỷ lệ vốn góp của VTC đầu tư vào VTCN được điều chỉnh thay đổi từ 54.33% xuống còn 30%.

Công ty Công nghệ Tích hợp (ITE):

Trong năm 2009, Công ty đã lắp đặt và cung cấp được 4 hệ thống IP Callcenter cho viễn thông tỉnh. Ba dự án khác không kịp triển khai trong năm 2009 sẽ bắt đầu triển khai đầu năm 2010. ITE trong các tháng cuối năm 2009 và đầu năm 2010 đã tập trung nguồn lực để nghiên cứu triển khai dịch vụ Funring và một số sản phẩm khác.

2. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1 Toàn Công ty

Đvt: triệu đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2008	KẾ HOẠCH 2009	THỰC HIỆN 2009	SỐ VỚI KẾ HOẠCH	SỐ VỚI NĂM 2008
Tổng doanh thu ⁽¹⁾	92.777	110.626	101.987	92%	110%
Lợi nhuận trước thuế toàn công ty	4.793	6.423	5.943	93%	124%
Lợi nhuận trước thuế công ty VTC ⁽²⁾	1.455	3.716	3.457	93%	238%
Lợi nhuận sau thuế toàn công ty	3.769	5.106	4.947	97%	131%
Lợi nhuận sau thuế công ty VTC ⁽²⁾	1.442	2.787	2.780	100%	193%
Lợi nhuận sau thuế của công ty con/ công ty liên kết	2.327	2.319	2.167	93%	93%
Lợi ích cổ đông thiểu số	888	794	1.047	132%	118%
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ ⁽³⁾	2.881	4.312	3.900	90%	135%

Ghi chú:

⁽¹⁾ *Tổng doanh thu* bao gồm doanh thu của văn phòng Công ty, Chi nhánh Hà Nội và các công ty con .

Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế toàn công ty là lợi nhuận hợp nhất.

⁽²⁾ *Công ty VTC* bao gồm văn phòng công ty và Chi nhánh Hà Nội.

⁽³⁾ *Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ* là lợi nhuận sau thuế của công ty VTC và lợi nhuận từ các công ty con/công ty liên kết tính theo tỷ lệ góp vốn góp của VTC.

2.2. Công ty VTC

2.2.1 Văn phòng công ty

Đvt: triệu đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2008	KẾ HOẠCH 2009	THỰC HIỆN 2009	SỐ VỚI KẾ HOẠCH	SỐ VỚI 2008
Doanh thu	36.947	43.771	70.009	160%	189%
Trung tâm Kinh doanh và Dịch vụ Kỹ thuật	36.653	39.000	49.503	127%	135%
<i>Doanh thu bảo dưỡng</i>	<i>2.904</i>	<i>3.100</i>	<i>4.558</i>	<i>147%</i>	<i>157%</i>
<i>Doanh thu sửa chữa</i>	<i>2.327</i>	<i>2.800</i>	<i>1.279</i>	<i>46%</i>	<i>55%</i>
<i>Doanh thu lắp đặt</i>	<i>15.428</i>	<i>15.500</i>	<i>22.461</i>	<i>145%</i>	<i>146%</i>
<i>Doanh thu thương mại</i>	<i>13.357</i>	<i>15.600</i>	<i>13.545</i>	<i>87%</i>	<i>101%</i>
<i>Doanh thu thương mại thẻ</i>	-	-	7.260		
<i>Doanh thu sản phẩm</i>	<i>2.637</i>	<i>2.000</i>	<i>400</i>	<i>20%</i>	<i>15%</i>
Trung tâm hạ tầng mạng	294	4.771	20.506	430%	6.975%
<i>Doanh thu xây lắp, cho thuê nhà trạm BTS</i>	<i>294</i>	<i>2.661</i>	<i>756</i>	<i>28%</i>	<i>257%</i>
<i>Doanh thu bảo dưỡng</i>		-	255		
<i>Doanh thu sửa chữa</i>		-	66		
<i>Doanh thu thương mại</i>		2.110	2.094	99%	
<i>Doanh thu thương mại thẻ</i>		-	17.335		
Lãi gộp	5.180	6.370	8.802	138%	170%
Trung tâm Kinh doanh và Dịch vụ Kỹ thuật	6.000	6.000	8.419	140%	140%
Trung tâm hạ tầng mạng	(820)	370	383	104%	
Tổng lợi nhuận trước thuế (*)	2.379	3.116	6.761	217%	284%
Tổng lợi nhuận sau thuế (*)	1.965	2.337	5.867	251%	299%
Lợi nhuận sau khi loại trừ khoản thu nhập từ đánh giá lại tài sản trung tâm thẻ thông minh					
Tổng lợi nhuận trước thuế	2.379	3.116	4.919	158%	207%
Tổng lợi nhuận sau thuế	1.965	2.337	4.025	172%	205%

(*): Trong năm 2009, Văn phòng Công ty đã ghi nhận khoản thu nhập khác do đánh giá lại tài sản Trung tâm Sản xuất Thẻ thông minh là 1.842.226.723 đồng, đã làm tăng lợi nhuận của Văn phòng công ty, nhưng khi hợp nhất kết quả kinh doanh toàn công ty thì khoản thu nhập này bị loại trừ.

a. Trung tâm Kinh Doanh và Dịch Vụ Kỹ Thuật

• Hoạt động kinh doanh thương mại

Doanh thu thương mại năm 2009 là 13,55 tỷ (không tính doanh thu thẻ cào 7,2 tỷ), bằng 87% kế hoạch năm, giảm so với năm 2008 ứng 2,1 tỷ ứng với tỷ lệ giảm 13%. Doanh thu thương mại chủ yếu tập trung vào các sản phẩm : thiết bị FTTx , thiết bị quang, card E1, thiết bị truyền dẫn PDH, accu cho viễn thông các tỉnh , công ty di động.

Lĩnh vực thương mại có xu hướng giảm sút là do định hướng và phương thức thực hiện của Tập đoàn có thay đổi, đầu tư tập trung và giao trực tiếp thiết bị cho các đơn vị do đó nguồn vốn đầu tư năm 2009 của các Viễn thông tỉnh giảm, các dự án đầu tư ở các Viễn thông đa số nhỏ. Bên cạnh đó, áp lực cạnh tranh từ các doanh nghiệp kinh doanh về thiết bị viễn thông ngày càng lớn. Trung tâm vẫn chưa tìm được cho mình một sản phẩm thương mại chủ lực.

• Hoạt động dịch vụ kỹ thuật

Doanh thu dịch vụ lắp đặt năm 2009 là 22,5 tỷ đạt 145% kế hoạch, tăng 46% gần 7 tỷ đồng so với năm 2008, hoạt động dịch vụ lắp đặt chủ yếu là thầu phụ cho HUAWEI thực hiện các dịch vụ kỹ thuật lắp đặt thiết bị viễn thông cho các dự án lớn như: 350BTS, GTEL, 580k DSLAM, HTmobile.

Doanh thu dịch vụ bảo dưỡng thực hiện năm 2009 là 4,6 tỷ đạt 147% kế hoạch, tăng 57% so với năm 2008.

Doanh thu dịch vụ sửa chữa năm 2009 1,3 tỷ, chỉ đạt 46% so với kế hoạch năm.

• Doanh thu sản phẩm.

Chỉ ghi nhận tiếp doanh thu sản phẩm INPROS, nay sản phẩm Inpros đã thay bằng thiết bị mới cùng loại là IP CallCenter nên không triển khai thêm.

b. Trung tâm Hạ Tầng Mạng (NIC)

Dự án xây dựng 30 trạm BTS năm 2009 ngưng thực hiện do thay đổi từ phía đối tác VMS (Mobifone) nên Trung tâm tập trung nguồn lực vào các hoạt động khác, chỉ duy trì duy tu bảo dưỡng các trạm cũ, lấy doanh thu cho thuê.

Trung Tâm đã cùng với ITE tập trung vào thương mại hệ thống IP Callcenter cho viễn thông các tỉnh, kết hợp với Trung Tâm Thẻ thương mại các sản phẩm thẻ và định hướng thương mại thiết bị viễn thông, dịch vụ nội dung trên nền giấy phép ISP, OSP đang làm thủ tục đổi lại mới.

Trong năm 2009, Trung tâm đã thực hiện các hợp đồng bán IP callcenter cho viễn thông Bình Thuận và thỏa thuận bán, cho thuê IP CallCenter cho một số viễn thông tỉnh khác. Do thủ tục của các Viễn thông thực hiện chậm nên chưa kịp thực hiện ngay trong năm 2009.

2.2.2 Chi nhánh Hà Nội

Đvt: triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2008	KẾ HOẠCH 2009	THỰC HIỆN 2009	SO VỚI KẾ HOẠCH	SO VỚI 2008
I	Tổng doanh thu cả năm	9.560	10.750	3.112	29%	33%
1	Doanh thu thương mại	1.786	4.300	102	2%	6%
2	Doanh thu dịch vụ (bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt)	7.774	6.450	3.009	47%	39%
II	Lợi nhuận trước thuế	(738)	600	(1.529)		
III	Lợi nhuận sau thuế	(738)	450	(1.529)		

Hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Hà nội không được như kế hoạch đầu năm, nguyên nhân thay đổi là do bị áp lực phải trả nợ từ phía nhà cung cấp cáp đồng, có nguy cơ ảnh hưởng đến cả công ty nên việc tiến hành hoàn tất các thủ tục thanh quyết toán công trình, thu hồi tiền trả nợ, Chi nhánh phải ưu tiên đặt lên hàng đầu, tập trung nguồn lực để giải quyết rốt ráo trong suốt năm qua. Từ số nợ gần 10 tỷ Chi nhánh đã hoàn tất thanh toán một số công trình xây lắp, thu hồi trả nợ còn 4,2 tỷ vào cuối năm 2009. Các công trình khác đều đã hoàn tất thủ tục thanh quyết toán, chờ dòng tiền về để thanh toán công nợ.

Định hướng của Chi Nhánh vẫn là dịch vụ kỹ thuật, thương mại nhưng mở rộng loại hình dịch vụ, sản phẩm và đối tượng khách hàng.

2.3. Công ty con – Công ty liên kết

2.2.1. Công ty đầu tư và phát triển Công nghệ thông minh

(Trung tâm sản xuất thẻ thông minh)

Đvt: triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2008	KẾ HOẠCH 2009	THỰC HIỆN 2009	SO VỚI KẾ HOẠCH	SO VỚI 2008
I	Doanh thu	46.594	48.000	46.106	96%	99%
1	Thẻ cào	35.721	35.000			
2	Thẻ SIM	6.610	7.000			
3	Doanh thu khác	4.262	6.000			
II	Lợi nhuận trước thuế	5.494	3.482	2.213	64%	40%
III	Lợi nhuận sau thuế	4.483	3.094	2.024	65%	45%

Lĩnh vực cung cấp thẻ SIM.

Sản lượng và doanh thu thẻ SIM 9 tháng đầu năm tăng 110% so với kế hoạch năm do Công ty STID đã tham gia và thắng thầu cung cấp gói SIM Homephone cho Viettel.

Tuy nhiên do thiếu vốn trong kinh doanh, Công ty buộc phải giao hàng chậm so với thời gian quy định 2,5 tháng, và hoàn tất hồ sơ thanh toán chậm 3,5 tháng ít nhiều làm giảm sự tín nhiệm và tin tưởng của Viettel.

Trong quý 4 không cung cấp thêm thẻ SIM dù chỉ mới cung cấp được 2 triệu thẻ SIM, (do thiếu vốn trong thời gian qua). Hợp đồng cung cấp 3 triệu SIM tiếp theo của gói thầu 5 triệu thẻ đã trúng thầu, Viettel đã phân chia đơn hàng cho một đối thủ cạnh tranh khác của Công ty.

Lĩnh vực cung cấp thẻ cào.

Năm 2009, Doanh thu từ sản xuất thẻ cào gần 24 tỷ đồng hoàn thành được 69% kế hoạch, giảm 32% so với năm 2008.

Lĩnh vực cung cấp thẻ ID, VOIP và thiết bị kiểm soát ra vào:

Hiện sản phẩm kinh doanh tập trung chủ yếu là thương mại. Các dự án cung cấp và lắp đặt thiết bị với số lượng lớn bắt đầu được triển khai như dự án chung cư Phan Xích Long, đang trong giai đoạn hoàn tất nghiệm thu bàn giao.

Khó khăn chính :

Công ty đang thiếu vốn đầu tư mở rộng sản xuất, đầu tư thêm trang thiết bị cơ bản để đáp ứng việc linh hoạt thay đổi đặc tính sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng cũng như tăng công suất sản xuất thẻ cào.

2.2.2. Công ty cổ phần công nghệ mạng Việt Thành Công- VTC Networks

Đvt: triệu đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2008	KẾ HOẠCH 2009	THỰC HIỆN 2009	SO VỚI KẾ HOẠCH	SO VỚI 2008
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	164	2.815	413	15%	252%
Lợi nhuận trước thuế	(1.490)	(1.525)	(1.538)		
Lợi nhuận sau thuế	(1.490)	(1.525)	(1.538)		

Doanh thu năm 2009 của Công ty chủ yếu từ dịch vụ truyền hình cáp (THC). Các dự án như Mỹ Kim, CC BDBP, Phú Nhuận, RubyLand đã bắt đầu có doanh thu tuy nhiên còn nhỏ.

Tính đến nay, Công ty đã hoàn thiện phần triển khai 6 dự án từ Quý 2 năm 2009 và đưa vào khai thác gồm:

- Dự án Trường ĐHTDTT (dịch vụ THC): phát sinh thu cước hàng tháng,
- Dự án Saigon Pearl – Phase 1 (3 dịch vụ: THC, ĐT-Internet, IBC): phát sinh thu cước THC hàng tháng và lắp đặt dịch vụ mới cho khách hàng, cho thuê hạ tầng IBC.
- Dự án Rubyland (2 dịch vụ: THC, IBC): phát sinh thu cước THC hàng tháng và lắp đặt hoà mạng mới cho khách hàng, cho thuê hạ tầng IBC.
- Dự án V-Star (2 dịch vụ: THC, ĐT-Internet; IBC chưa kết nối) phát sinh thu cước THC hàng tháng và lắp đặt hoà mạng mới cho khách hàng.
- Dự án Mỹ Kim (dịch vụ IBC) cho thuê hạ tầng IBC
- Dự án CC BDBP (dịch vụ IBC) cho thuê hạ tầng IBC
- Dự án Phú Nhuận (dịch vụ IBC) cho thuê hạ tầng IBC

Trong quý 4, Công ty tiếp tục triển khai phần xây dựng hạ tầng Phase 2A và Phase 2B dự án Saigon Pearl và dự án Orient (Công ty CP Thủy Sản 4).

Việc triển khai dự án cần nhiều vốn. VTCNetworks đã nâng vốn điều lệ lên 20 tỷ, trong đó VTC góp thêm 2 tỷ đồng, tổng cộng 6 tỷ, chiếm 30% vốn điều lệ.

2.2.3. Công ty cổ phần Công Nghệ Tích Hợp (ITE)

Đvt: triệu đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2008	KẾ HOẠCH 2009	THỰC HIỆN 2009	SO VỚI KẾ HOẠCH	SO VỚI 2008
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.290	2.442	46%	
Lợi nhuận trước thuế	(666)	750	735	98%	
Lợi nhuận sau thuế	(666)	750	605	81%	

Năm 2009, Công ty đã lắp đặt và cung cấp được 4 hệ thống IP Callcenter cho viễn thông tỉnh. Ba dự án khác không kịp triển khai trong năm 2009 sẽ bắt đầu triển khai đầu năm 2010.

Một số viễn thông tỉnh cũng đang đặt vấn đề mua hoặc thuê sản phẩm IP CallCenter và IVR (một phần của CallCenter) của ITE.

ITE đã nghiên cứu xong một số sản phẩm khác, chuẩn bị thử nghiệm và triển khai thương mại.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhân:

- *Cố đồng, HDQT*
- *Lưu*

TRẦN VIỆT TÔNG

PHỤ LỤC 1: SỐ LIỆU KINH DOANH CÔNG TY VTC

Đvt: triệu đồng

<i>Đvt: triệu đồng</i> TIÊU CHỈ	THỰC HIỆN 2008	KẾ HOẠCH 2009	THỰC HIỆN 2009	SỐ VỚI KẾ HOẠCH	SỐ VỚI NĂM 2008
Doanh thu Công ty VTC	46.507	54.521	55.452	102%	119%
Văn phòng công ty	36.947	43.771	70.009	160%	189%
Chi nhánh Hà Nội	9.560	10.750	3.112	29%	33%
<i>Loại trừ doanh thu tiêu thụ nội bộ khi hợp nhất</i>	(489) ⁽¹⁾		(17.669) ⁽¹⁾		
Lợi nhuận trước thuế Công ty VTC	1.455	3.716	3.457	93%	238%
Văn phòng công ty	2.379	3.116	6.761	217%	284%
Chi nhánh Hà Nội	(738)	600	(1.529)		
<i>Điều chỉnh lợi nhuận khi hợp nhất</i>	(186) ⁽²⁾		(1.775) ⁽⁴⁾		
Lợi nhuận sau thuế công ty VTC	1.442	2.787	2.780	100%	193%
Văn phòng công ty	1.965	2.337	5.687	243%	289%
Chi nhánh Hà Nội	(738)	450	(1.529)		
<i>Điều chỉnh lợi nhuận khi hợp nhất</i>			(1.775) ⁽⁴⁾		
<i>Điều chỉnh Thuế TNDN</i>	215 ⁽³⁾		397 ⁽³⁾		

Ghi chú

⁽¹⁾ Loại trừ doanh thu tiêu thụ nội bộ giữa Công ty VTC và các công ty con.

⁽²⁾ Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế 186 triệu đồng do loại trừ doanh thu tiêu thụ nội bộ của văn phòng công ty.

⁽³⁾ Điều chỉnh tăng lợi nhuận sau thuế do điều chỉnh thuế TNDN của văn phòng công ty khi hợp nhất.

⁽⁴⁾ Loại trừ lợi nhuận từ chênh lệch đánh giá lại tài sản Trung tâm sản xuất Thẻ thông minh khi hợp nhất kết quả kinh doanh toàn công ty.

PHỤ LỤC 2. SỐ LIỆU KINH DOANH CÁC CÔNG TY CON/ CÔNG TY LIÊN KẾT

Đvt: triệu đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2008	KẾ HOẠCH 2009	THỰC HIỆN 2009	SỐ VỚI KẾ HOẠCH	SỐ VỚI NĂM 2008
Doanh thu	46.758	56.105	46.535	83%	100%
C.ty Công nghệ mạng Việt thành công (VTCN) (*)	164	2.815			
C.ty Công nghệ Tích hợp (ITE)	-	5.290	2.442	46%	
C.ty TNHH ĐT & PT Công nghệ Thông minh (STID)	46.594	48.000	46.106	96%	99%
<i>Loại trừ doanh thu tiêu thụ nội bộ khi hợp nhất</i>			(2.012) ⁽¹⁾		
Lợi nhuận trước thuế	3.338	2.707	2.486	92%	75%
C.ty Công nghệ mạng Việt thành công (VTCN) (*)	(1.490)	(1.525)	(462)		
C.ty Công nghệ Tích hợp (ITE)	(666)	750	735	98%	
C.ty TNHH ĐT & PT Công nghệ Thông minh (STID)	5.494	3.482	2.213	64%	40%
Lợi nhuận sau thuế	2.327	2.319	2.167	93%	93%
C.ty Công nghệ mạng Việt thành công (VTCN) (*)	(1.490)	(1.525)	(462)		
C.ty Công nghệ Tích hợp (ITE)	(666)	750	605	81%	
C.ty TNHH ĐT & PT Công nghệ Thông minh (STID)	4.483	3.094	2.024	65%	45%
Lợi nhuận sau thuế ghi nhận cho công ty mẹ	1.438	1.524	1.119	73%	78%
C.ty Công nghệ mạng Việt thành công (30% vốn) (*)	(810)	(829)	(462)		
C.ty Công nghệ Tích hợp (60.67% vốn) (**)	(442)	497	367	74%	
C.ty TNHH ĐT & PT Công nghệ Thông minh (60% vốn) (**)	2.690	1.856	1.214	65%	45%

⁽¹⁾ Loại trừ doanh thu tiêu thụ nội bộ giữa Công ty VTC và các công ty con.

(*): Không hợp nhất toàn bộ doanh thu và lợi nhuận của VTCN năm 2009, chỉ ghi nhận khoản lãi (lỗ) năm 2009 của VTCN tương ứng với số vốn góp của Công ty VTC (30%) là âm 492 triệu đồng vào kết quả kinh doanh của Công ty VTC

(**): Lãi (lỗ) ghi nhận cho công ty mẹ năm 2009 theo tỷ lệ vốn góp của Công ty VTC vào công ty con/Công ty liên kết.